

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2022/DS-ST

Ngày: 29-9-2022.

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hui”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – Chủ Toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

2/ Bà Trần Thị Sang.

Thư ký phiên toà: Ông Dương Khởi - Thư Ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Thôn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về: *“Tranh chấp hợp đồng góp hui”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXX-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp Rạch G, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

Bị đơn: 1/ Bà Thạch Thị B, sinh năm 1968 (Có mặt).

2/ Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Ông Lê Văn Đ ủy quyền cho bà Thạch Thị B tham gia tố tụng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/11/2021)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q, tại bản khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay bà Nguyễn Thị Q là nguyên đơn có lời trình bày như sau:

Bà có làm đầu thảo hụi và bà Thạch Thị B là hụi viên có tham gia các dây hụi cụ thể hai dây hụi như sau:

Dây hụi thứ nhất: Khai hụi vào ngày 12/10/2018 là dây hụi tháng, loại hụi 5.000.000 đồng gồm 31 phần, mỗi tháng khai hụi một lần và tiền thảo cho mỗi lần khai hụi là 2.500.000 đồng, trong dây hụi này bà Thạch Thị B có tham gia một phần, bà B đóng được bốn lần hụi sống đến ngày 12/02/2019 bà B kêu số tiền 2.010.000 đồng và được hốt hụi. Sau khi gom hụi bà đã giao cho bà B nhận số tiền là 95.240.000 đồng đã trừ tiền thảo có giấy giao nhận hụi. Trong dây hụi này bà B phải có nghĩa vụ đóng lại cho bà 26 lần hụi chết, nhưng bà B chỉ đóng cho bà được 19 lần đến ngày 12/8/2020 thì ngưng đóng và còn nợ là 07 lần hụi chết chưa đóng cho bà cho đến nay, dây hụi đã mãn vào ngày 12 tháng 3 năm 2021.

Trong dây hụi này bà yêu cầu bà B và ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi chết mà bà đã đóng cho ông trong dây hụi này là 35.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày hụi mãn cho đến ngày Tòa án xét xử.

Dây hụi thứ hai: Khai hụi ngày 26/12/2018 là dây hụi tháng, loại hụi 5.000.000 đồng gồm 33 phần, mỗi tháng khai hụi một lần và tiền thảo cho mỗi lần khai hụi là 2.500.000 đồng, trong dây hụi này bà Thạch Thị B có tham gia một phần, bà B đóng được ba lần hụi sống đến ngày 26/3/2019 bà B kêu số tiền 3.010.000 đồng và được hốt hụi. Sau khi gom hụi bà đã giao cho bà B nhận số tiền là 99.200.000 đồng đã trừ tiền thảo có giấy giao nhận hụi. Trong dây hụi này bà B có nghĩa vụ đóng lại hụi chết là 29 lần, nhưng bà B đã đóng lại 17 lần đến ngày 12/7/2020 thì ngưng đóng và còn nợ là 12 lần hụi chết chưa đóng cho bà cho đến nay, dây hụi này đã mãn từ ngày 26 tháng 7 năm 2021.

Trong dây hụi này bà Q yêu cầu bà B và ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi chết mà bà đã đóng cho ông trong dây hụi này là 60.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày hụi mãn cho đến ngày Tòa án xét xử.

Dây hụi thứ ba: Khai hụi ngày 27/12/2018 là dây hụi tháng, loại hụi 5.000.000 đồng gồm 33 phần, mỗi tháng khai hụi một lần và tiền thảo cho mỗi lần khai hụi là 2.500.000 đồng, trong dây hụi này bà Thạch Thị B có tham gia một phần, bà B đóng được một lần hụi sống đến ngày 27/01/2019 bà B kêu số tiền 3.050.000 đồng và được hốt hụi. Sau khi gom hụi bà đã giao cho bà B nhận số tiền là 93.950.000 đồng đã trừ tiền thảo có giấy giao nhận hụi. Trong dây hụi này bà B có nghĩa vụ đóng lại hụi chết là 29 lần, nhưng bà B đã đóng lại 17 lần đến ngày 12/7/2020 thì ngưng đóng và còn nợ là 12 lần hụi chết chưa đóng cho bà cho đến nay, dây hụi này đã mãn từ ngày 26 tháng 7 năm 2021.

Trong dây hụi này bà yêu cầu bà B và ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi chết mà bà đã đóng cho ông trong dây hụi này là 60.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày hụi mãn cho đến ngày Tòa án xét xử.

Dây hụi thứ tư: Khai hụi ngày 07/6/2018 là dây hụi tháng, loại hụi 2.000.000 đồng gồm 30 phần, mỗi tháng khai hụi một lần và tiền thảo cho mỗi lần khai hụi là 1.000.000 đồng, trong dây hụi này bà Thạch Thị B có tham gia một phần, bà B đóng được năm lần hụi sống đến ngày 07/11/2018 bà B kêu số tiền

725.000đồng và được hốt hụi. Sau khi gom hụi bà đã giao cho bà B nhận số tiền là 39.600.000đồng đã trừ tiền thảo có giấy giao nhận hụi. Trong dây hụi này bà B có nghĩa vụ đóng lại hụi chết là 24 lần, nhưng bà B đã đóng lại 22 lần đến ngày 07/8/2020 thì ngưng đóng và còn nợ lại hai lần hụi chết là 4.000.000đồng cho đến nay, dây hụi này đã mãn.

Trong dây hụi này bà yêu cầu bà B và ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi chết mà bà đã đóng choàng trong dây hụi này là 4.000.000đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày hụi mãn cho đến ngày Tòa án xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay bà Q vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B và ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà tổng số tiền hụi còn nợ của 04 dây hụi tổng cộng là 159.000.000đồng (*Một trăm năm mươi chín triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi của bốn dây hụi theo quy định của pháp luật từ ngày hụi mãn cho đến ngày Tòa án xét xử.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Thạch Thị B có lời trình bày như sau: Bà thừa nhận có chơi hụi do bà Nguyễn Thị Q làm đầu thảo các dây hụi gồm:

Dây hụi ngày 12/10/2018âl bà có tham gia một dây do bà Q làm đầu thảo loại hụi 5.000.000đồng dây hụi này gồm 31 phần và bà đã kêu số tiền 2.010.000đồng và được hốt hụi vào ngày 12/02/2019 với số tiền là 95.240.000đồng sau khi trừ tiền thảo bà Q đã giao cho bà nhận đủ số tiền trên. Sau đó bà đã đóng hụi được 21 tháng đến ngày 12/10/2020 thì bà B ngưng đóng hụi chết cho đến nay.

Dây hụi ngày 26/12/2018âl bà có tham gia một dây do bà Q làm đầu thảo loại hụi 5.000.000đồng dây hụi này gồm 33 phần và bà đã kêu số tiền 2.010.000đồng và được hốt hụi vào ngày 26/3/2019 với số tiền là 93.950.000đồng sau khi trừ tiền thảo bà Q đã giao cho bà nhận đủ số tiền trên. Sau đó bà đã đóng hụi được 17 lần đến ngày 27/10/2020 thì bà B ngưng đóng hụi chết cho đến nay.

Dây hụi ngày 27/12/2018âl bà có tham gia một dây do bà Q làm đầu thảo loại hụi 5.000.000đồng dây hụi này gồm 33 phần và bà đã kêu số tiền 2.010.000đồng và được hốt hụi vào ngày 26/3/2019 với số tiền là 99.210.000đồng sau khi trừ tiền thảo bà Q đã giao cho bà nhận đủ số tiền trên. Sau đó bà đã đóng hụi được 19 lần đến ngày 12/10/2020 thì bà B ngưng đóng hụi chết cho đến nay.

Dây hụi ngày 07/6/2018âl bà có tham gia một dây do bà Q làm đầu thảo loại hụi 2.000.000đồng dây hụi này gồm 30 phần và bà có tham gia một phần đã kêu số tiền 725.000đồng và được hốt hụi vào ngày 07/11/2018 với số tiền là 39.600.000đồng sau khi trừ tiền thảo bà Q đã giao cho bà nhận đủ số tiền trên. Trong dây hụi này bà đã đóng đầy đủ cho bà Q hiện nay không còn nợ.

Trong các dây hụi trên bà đã đóng hụi chết cho bà Q đầy đủ đến tháng 10 năm 2020. Bà còn nợ và đồng ý trả cho bà Q số tiền hụi chết như sau: Dây hụi ngày 12/10/2018âl bà B đồng ý trả cho bà Q số tiền 25.000đồng; dây hụi ngày

26/12/2018 âl bà B đồng ý trả cho bà Q số tiền là 45.000.000đồng; đây hội ngày ngày 27/12/2018 âl bà B đồng ý trả cho bà Q số tiền là 45.000.000đồng và đây hội ngày 07/6/2018 âl bà B cho rằng không còn nợ và bà đồng ý trả lãi cho bà Q theo yêu cầu của bà Q từ ngày hội mãi cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Tại bản tự khai ông Lê Văn Đ trình bày như sau: Ông là chồng của bà Thạch Thị B, ông thống nhất theo ý kiến trình bày của bà Thạch Thị B, ông không có yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa ông Đoàn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ kiện nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên Tòa vẫn giữ lời trình bày và yêu cầu như đã nêu trên.

Bị đơn không yêu cầu phản tố và các đương sự không bổ sung chứng cứ gì mới tại phiên Tòa. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên kết luận trình tự thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng qui định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 471 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q.

Buộc bà Thạch Thị B và ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Q tổng số tiền hội còn nợ 60.000.000đồng đối với đây hội ngày 26/12/2018 âl; 35.000.000đồng đối với đây hội ngày 12/10/2018 âl; 60.000.000đồng đối với đây hội

ngày 27/12/2018 và 4.000.000 đồng đối với dây hụi ngày 07/6/2018 và lãi suất 10%/năm từ ngày mãn hụi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra Vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc các đương sự phải chịu án phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn Đ vắng mặt có ủy quyền cho bà Thạch Thị B tham gia tố tụng phù hợp theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua lời trình bày của các bên đương sự thì bà B thừa nhận bà có tham gia chơi bốn dây hụi do bà Nguyễn Thị Q làm đầu thảo và bà Thạch Thị B là hụi viên gồm:

Dây hụi ngày 12/10/2018 và loại hụi 5.000.000 đồng.

Dây hụi ngày 26/12/2018 và loại hụi 5.000.000 đồng.

Dây hụi ngày 27/12/2018 và loại hụi 5.000.000 đồng.

Dây hụi ngày 07/6/2018 và loại hụi 2.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bà Q và bà B đều thừa nhận các dây hụi đúng ngày tháng năm khai hụi và loại hụi, các dây hụi này bà B là hụi viên đã hốt và bà B chỉ có nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà Q. Bà Q cũng thừa nhận bà có làm đầu thảo và bà B đã hốt hụi các dây hụi và bà B có nghĩa vụ đóng hụi chết cho đầu thảo đến khi hụi mãn. Lời khai của các đương sự là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết sự kiện đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh.

[4] Tại phiên Tòa hôm nay bà Q vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B và ông Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi còn nợ của bốn dây hụi như sau: Dây hụi ngày 12/10/2018 yêu cầu số tiền 35.000.000 đồng; dây hụi ngày 26/12/2018 yêu cầu số tiền 60.000.000 đồng; dây hụi ngày 27/12/2018 yêu cầu số tiền 60.000.000 đồng và dây hụi ngày 07/6/2018 yêu cầu số tiền 4.000.000 đồng và bà Q yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày hụi mãn cho đến ngày Tòa án xét xử là có cơ sở. Bởi vì bà B tham gia chơi hụi và hốt hụi nhưng không đóng hụi chết cho bà Q là vi phạm nghĩa vụ của người hụi viên đối với đầu thảo.

Phía bà B chỉ đồng ý trả cho bà Q số tiền hụi chết như sau: Dây hụi ngày 12/10/2018 bà B đồng ý trả cho bà Q số tiền 25.000 đồng; dây hụi ngày 26/12/2018 bà B đồng ý trả cho bà Q số tiền là 45.000.000 đồng; dây hụi ngày

ngày 27/12/2018 bà B đồng ý trả cho bà Q số tiền là 45.000.000 đồng và đây hội ngày 07/6/2018 bà B cho rằng không còn nợ bà Q.

Do bà Q cho rằng bà B chỉ đóng hội chết đến tháng 8 năm 2020 thì ngưng cho đến nay, phía bà B thì cho rằng bà đóng hội chết cho bà Q đến tháng 10 năm 2020 thì ngưng không đóng cho đến nay, nhưng bà B cũng không đưa ra chứng cứ chứng minh được số tiền hội mà bà đã đóng cho bà Q vào tháng 9 và tháng 10 năm 2020.

Tại phiên tòa hôm nay bà B có cung cấp một tờ giấy tính hội, loại giấy caro bắt đầu từ chữ “B...” và kết thúc bằng chữ số “42.000” mà bà B cho rằng bà có tham gia chơi đây hội ngày 03/11/2009 và hốt hội ngày 03 tháng 8 năm 2020 và đưa cho bà Q số tiền là 110.290.000 đồng để đóng tiền hội chết các đây hội này cho bà Q đến tháng 10 năm 2020. Còn bà Q thì cho rằng số tiền 110.290.000 đồng là tiền bà B đưa cho bà để trừ vào hội chết các đây hội của tháng 6, tháng 7 và một phần của tháng 8 tổng cộng là 104.000.000 đồng. Bà B thì cho rằng số tiền 104.000.000 đồng là tiền trúng tôm bà đưa cho bà Q, còn các chữ số trong tờ giấy đã bị xóa là do cháu bà xóa chứ không phải do bà Q tính tiền hội của các tháng 6, tháng 7 và tháng 8 là 104.000.000 đồng. Nhưng qua kết quả giám định Phòng Kỹ thuật hình sự của Công an tỉnh Trà Vinh kết luận số nguyên thủy của hai dòng chữ bị xóa là 110 và 104 do bà B cung cấp là giấy tính tiền hội của tháng 6, tháng 7 và một phần của tháng 8 năm 2020 từ đó Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà B là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì phải đưa ra chứng cứ để chứng minh”* trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho bà B, ông Đ nếu có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc ông, bà đã đóng hội cho bà Q các đây hội các tháng 9 tháng 10 của năm 2020. Nhưng bà không có ý kiến gì và bà B cũng không có giấy tờ nào để chứng minh cho lời trình bày của bà là đã đóng hội xong cho bà Q tháng 9 và tháng 10 năm 2020.

[5] Xét về yêu cầu tính lãi: Hội đồng xét xử xét thấy việc bà B và ông Đ nợ tiền hội của bà Q thì phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà Q là phù hợp theo quy định của pháp luật và bà Q yêu cầu tính lãi theo mức lãi xuất là 10%/năm là phù hợp theo quy định của pháp luật, tiền lãi được tính như sau:

+ Đối với đây hội ngày 12/10/2018 số tiền 35.000.000 đồng tiền lãi tính từ tháng 3 năm 2021 đến ngày xét xử 29/9/2022 là 18 tháng x 0,83%/tháng (Tức 10%/năm) là 5.229.000 đồng.

+ Đối với đây hội ngày 26/12/2018 số tiền 60.000.000 đồng tiền lãi tính từ tháng 7 năm 2021 đến ngày xét xử 29/9/2022 là 14 tháng x 0,83%/tháng (Tức 10%/năm) là 6.972.000 đồng.

+ Đối với đây hội ngày 27/12/2018 số tiền 60.000.000 đồng tiền lãi tính từ tháng 7 năm 2021 đến ngày xét xử 29/9/2022 là 14 tháng x 0,83%/tháng (Tức 10%/năm) là 6.972.000 đồng.

+ Đối với dây hụi ngày ngày 07/6/2018à: số tiền 4.000.000đồng tiền lãi tính từ tháng 9 năm 2021 đến ngày xét xử 29/9/2022 là 12 tháng x 0,83%/tháng (Tức 10%/năm) là 398.400đồng.

[6] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Q là có căn cứ chấp nhận được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà B và ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền hụi còn nợ tổng cộng là 159.000.000đồng (*Một trăm năm mươi chín triệu đồng*) và tiền lãi tổng cộng là 19.571.400đồng (*Mười chín triệu năm trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm đồng*)

[7] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Vị kiểm sát viên là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm và tiền chi phí giám định: Do yêu cầu được chấp nhận nên bà Q không phải chịu án phí và lệ phí. Bà B và ông Đ phải chịu án phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 280, 288 và khoản 2 Điều 468, 471 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điểm a khoản 1 điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, 147, 159, 161, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị định 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q.

Buộc bà Thạch Thị B và ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Q tổng số tiền hụi còn nợ của bốn dây hụi là 159.000.000đồng (*Một trăm năm mươi chín triệu đồng*) và tiền lãi tổng cộng là 19.571.400đồng (*Mười chín triệu năm trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Thạch Thị B và ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.928.570đồng (*Tám triệu chín trăm hai mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí và bà Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.006.000đồng (*Một triệu không trăm lẻ sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007137; số tiền là 1.927.500đồng (*Một triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 000717; số tiền 1.927.500đồng (*Một triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu tiền 0007172 và số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007168 cùng ngày 28 tháng 10 năm 2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu.

Về chi phí giám định: Tổng số tiền 4.130.000đồng (*Bốn triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*).

Buộc bà B và ông Đ có nghĩa vụ chịu toàn bộ số tiền là 4.130.000đồng (*Bốn triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*). Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 4.130.000đồng (*Bốn triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*) khi thu được từ bà B và ông Đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định tại Điều 174 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Liên

